

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NV

Tuần Giáo, ngày tháng 9 năm 2021

V/v xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021 - 2022

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Các đơn vị trường học thuộc UBND huyện.

Thực hiện Công văn số 1534/SNV-TCBC&TCPCP ngày 08/9/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức năm 2021 - 2022; Đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021 - 2022.

Để đảm bảo việc thực hiện các quy định về xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, Đề án vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021- 2022, UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm năm 2021 - 2022 với các nội dung sau:

I. ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC NĂM 2021 - 2022

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 2059/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Điện Biên.

Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đã được Bộ Nội vụ phê duyệt tại Quyết định số 2059/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 để hoàn thiện các nội dung của Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức năm 2021- 2022, cụ thể như sau:

1. Các cá nhân cán bộ, công chức phải thống kê công việc của từng cá nhân, công chức căn cứ theo hướng dẫn tại Điều 1 của Thông tư 05/2013/TT-BNV ngày 25/6/2013 và Phụ lục số 1A ban hành kèm theo Thông tư 05/2013/TT-BNV, lưu ý một số nội dung:

- Về thâm niên công tác: “Tính thâm niên công tác của công chức tại vị trí đang đảm nhiệm hoặc vị trí có nhiệm vụ tương tự như vị trí đang đảm nhiệm”, nếu vị trí trước đây khác với vị trí đang đảm nhiệm thì chỉ tính thời gian thâm niên từ thời gian bắt đầu công tác tại vị trí hiện tại (*Ví dụ: Công chức Nguyễn Văn A, công tác tại vị trí Chuyên viên theo dõi công tác văn hóa - xã hội thuộc Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu từ ngày 01/01/2000; đến 01/01/2010 công chức Nguyễn Văn A chuyển sang đảm nhiệm tại vị trí theo dõi kinh tế - ngân sách thuộc Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu; đến ngày 01/01/2012 công chức Nguyễn Văn A được chuyển công tác về Văn phòng UBND tỉnh Điện Biên và vẫn thực hiện nhiệm vụ theo dõi công tác kinh tế -*

ngân sách, như vậy công chức Nguyễn Văn A sẽ kê khai thâm niên công tác tính đến năm 2020 là 10 năm, kể từ ngày 01/01/2010).

- Về nội dung: “Ước % thời gian thực hiện nhiệm vụ (nếu có thể)”, đối với mỗi công việc cần thống kê tổng số thời gian dự kiến cộng dồn để hoàn thành một công việc (bao gồm: thời gian nghiên cứu, thu thập tài liệu; thời gian dự thảo văn bản tham mưu, tổ chức, triển khai; thời gian trình ký phê duyệt v.v.). Ví dụ: Công chức A kê khai một công việc xây dựng kế hoạch công tác của cơ quan, thời gian tính như sau: Thời gian nghiên cứu tài liệu, số liệu báo cáo của năm trước dự kiến là 40 giờ, thời gian sự thảo kế hoạch là 16 giờ, thời gian trình ký và chỉnh sửa là 4 giờ, như vậy tổng thời gian dự kiến cộng dồn sẽ là: 40 giờ + 16 giờ + 4 giờ = 60 giờ làm việc.

- Đầu ra (sản phẩm) của mỗi nhiệm vụ là kết quả của mỗi công việc đó, có thể là: văn bản tham mưu được ký duyệt; kế hoạch được phê duyệt; đề án được thông qua; cuộc họp được hoàn thành; tổ chức sự kiện theo kế hoạch v.v.

- Các vị trí việc làm không cần phải kê khai Phụ lục số 1A: Chủ tịch HĐND huyện; Chủ tịch UBND huyện; nhân viên phục vụ, lái xe, bảo vệ.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện sẽ đảm nhiệm công việc:

- Thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ tại Phụ lục số 1B ban hành kèm theo Thông tư số 05/2013/TT-BNV (căn cứ vào các Nghị định; Thông tư; Thông tư liên tịch; Quyết định quy định, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị);

- Phân nhóm công việc theo Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư 05/2013/TT-BNV;

- Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến công việc của cơ quan theo Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư 05/2013/TT-BNV;

- Thống kê, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động hiện có theo Điều 4 Thông tư 05/2013/TT-BNV; thống kê thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị tính đến ngày 31/8/2021 theo biểu mẫu số 01/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ Nội vụ;

- Căn cứ danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức tối thiểu đã được Bộ Nội vụ phê duyệt tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định số 2059/QĐ-BNV ngày 31/12/2015, rà soát điều chỉnh, bổ sung các vị trí việc làm (nếu còn thiếu) tổng hợp vào Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư 05/2013/TT-BNV; Dự kiến biên chế hoặc số lượng lao động cần có theo kế hoạch biên chế năm 2021 - 2022 của cơ quan, đơn vị.

- Căn cứ Phụ lục 1A, 1B và danh mục vị trí việc làm để tổng hợp, xây dựng Bản mô tả công việc của vị trí việc làm theo Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư 05/2013/TT-BNV; Lưu ý: Cột tỷ trọng thời gian (%) tính theo giờ làm việc (Trưởng phòng hoặc tương đương Trưởng phòng phải xác định công việc tại Phụ lục 1A, 1B; thời gian hoàn thành công việc của cá nhân, công chức kê khai tại Phụ lục 1A để xác định công việc và thời gian hoàn thành mỗi công việc đưa vào Phụ lục 5). Xác định yêu cầu năng lực cho từng vị trí việc làm, điều kiện làm việc v.v.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và các yếu tố ảnh hưởng đến công việc và vị trí việc làm, tham khảo kê khai phần III yêu cầu về phẩm chất cá nhân - Phụ lục 1B của cá nhân, công chức; yêu cầu năng lực cho từng vị trí việc làm tại Phụ lục số 5, xác định khung năng lực tương ứng cho các vị trí thuộc cơ quan, đơn vị mình tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư 05/2013/TT-BNV.

3. Các cơ quan, đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm theo Đề án mẫu tại Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư 05/2013/TT-BNV.

II. ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2021 - 2022

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị; Điều lệ các trường học; các Quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị v.v.

Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp năm 2021 - 2022 theo các nội dung sau:

1. Thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ: Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và quy định tại Điều 1 Thông tư 14/2012/TT-BNV; để thống kê công việc theo Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư 14/2012/TT-BNV;

2. Phân nhóm công việc: Theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư 14/2012/TT-BNV; phân nhóm công việc theo Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư 14/2012/TT-BNV;

3. Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới công việc của đơn vị: Theo hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư 14/2012/TT-BNV; xác định các yếu tố ảnh hưởng tới công việc theo Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư 14/2012/TT-BNV;

4. Thống kê thực trạng đội ngũ viên chức: Theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư 14/2012/TT-BNV; thống kê theo Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư 14/2012/TT-BNV;

5. Xác định danh mục vị trí việc làm của đơn vị theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư 14/2012/TT-BNV, thống kê danh mục vị trí việc làm, xác định cơ cấu chức danh nghề nghiệp tương ứng với mỗi vị trí việc làm (đối với vị trí việc làm đến nay chưa có văn bản hướng dẫn về chức danh nghề nghiệp thì trước mắt xác định theo trình độ chuyên môn tương ứng) theo Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư 14/2012/TT-BNV; Xác định số người làm việc cần thiết theo kế hoạch số lượng người làm việc năm 2021 - 2022 của đơn vị.

(Đối với danh mục của vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông thực hiện theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và

Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập).

6. Xây dựng bản mô tả công việc tương ứng cho mỗi vị trí việc làm đã xác định ở mục 5 (Phụ lục số 5) theo hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư 14/2012/TT-BNV, xây dựng theo Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Thông tư 14/2012/TT-BNV;

7. Theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư 14/2012/TT-BNV, trên cơ sở tiêu chuẩn, điều kiện quy định cho các chức danh nghề nghiệp tương ứng, căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị xây dựng khung năng lực tương ứng cho mỗi vị trí việc làm theo Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư 14/2012/TT-BNV;

8. Tổng hợp xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp năm 2021 - 2022 theo Điều 8 Thông tư 14/2012/TT-BNV và Đề án mẫu tại Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Thông tư 14/2012/TT-BNV.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Hiệu trưởng các đơn vị trường học thuộc UBND huyện triển khai thực hiện, xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức năm 2021 - 2022; Đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2021 - 2022 của đơn vị mình và gửi về phòng Nội vụ **chậm nhất ngày 28/9/2021** để tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Văn Đức